

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A, ngày 25 tháng 12 năm 2023

Số: 154/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Minh T** – Sinh năm: 1975; nơi cư trú: Khu P, thị trấn N, huyện A, tỉnh B.

Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị L** – Sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị L thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung:* Anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị L thống nhất

có 02 con chung tên: Lê Thị Thanh Q, sinh năm 2004 và Lê Minh K, sinh ngày 03/4/2008. Khi ly hôn, anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị L thống nhất giao cháu Lê Minh K, sinh ngày 03/4/2008 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng còn cháu Q đã trưởng thành muốn ở với ai tùy cháu và anh T cấp dưỡng nuôi cháu K 2.000.000^d/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu K trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung:

2.3.1. Anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị L thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận giao 01 (một) chiếc xe máy biển số 78E1-566.41 đứng tên Lê Minh T (có giá trị 6.000.000^d) và 01 lô đất có số thửa 222, tờ bản đồ số 11, diện tích 132m² tọa lạc tại thôn H, thị trấn N, huyện A, tỉnh B đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Lê Minh T và Huỳnh Thị L, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03721 ngày 26/12/2014; có giới cận: Phía Bắc giáp đường Trần Hưng Đạo, phía Tây giáp lô (thửa) số 221 (nhà của ông Hồ Văn R), phía Đông giáp lô (thửa) số 223 (nhà của ông Võ Đình S), phía Nam giáp lô (thửa) số 249 (nhà của Phan Cao V); có giá trị 500.000.000^d (năm trăm triệu đồng) cho chị Huỳnh Thị L trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (xe máy, giấy chứng nhận xe máy và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bản chính chị L Liều đang quản lý).

2.3.2. Anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị L thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận chị Huỳnh Thị L thối lại cho anh Lê Minh T 250.000.000^d (hai trăm năm mươi triệu đồng), các bên đã giao nhận tiền xong.

2.4. *Án phí HNST*: Anh Lê Minh T tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước. Anh Lê Minh T đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006678 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho anh Thảo 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.5. *Án phí cấp dưỡng nuôi con*: Anh Lê Minh T tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước. Anh Lê Minh T đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006680 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho anh Thảo 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng).

đồng).

2.6. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Anh Lê Minh T tự nguyện chịu 3.000.000^d (ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, anh Thảo đã nộp 3.000.000^d (ba triệu đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND thị trấn N, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn X